BSC
BIDV SECURITIES JSC.

BSC WEEKLY REVIEW
Tuần 04 (23/01-27/01/23)

Đánh giá việc dự báo danh mục chỉ số VN30, VN-Finlead và dự báo số lượng cổ phiếu kỳ ETF cơ cấu

NỘI DUNG

1. CHIẾN THUẬT TUẦN TỚI: *VN-Index tăng điểm theo đà sau kỳ Nghỉ Lễ*

2. CHUYÊN MỤC TUẦN: *Đánh giá việc dự báo danh mục chỉ số VN30, VN-Finlead và dự báo số lượng cổ phiếu kỳ ETF cơ cấu*

3. THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ: *SBV bơm ròng tiền qua OMO*

4. PTKT VN-INDEX: *Xu hướng tăng điểm còn duy trì sau kỳ Nghỉ Lễ*

5. TIN VĨ MÔ: *trong năm 2023, sẽ có khoảng 289,819 tỷ đồng trái phiếu đáo hạn*

6. VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG: *Dịch vụ tài chính 8.36%*

7. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

BSC
BIDV SECURITIES JSC

CHIẾN THUẬT TUẦN: VN-Index tăng điểm theo đà sau kỳ Nghỉ Lễ

	Điểm số	Thay đổi (%)
VN-INDEX	**1108.08**	**4.52%**
GTGD/phiên (tỷ VND)	9,153.25	27.74%
Khối ngoại (tỷ VND)	2515.43	
HNX-INDEX	**219.87**	**4.08%**
GTGD/phiên (tỷ VND)	919.45	22.89%
Khối ngoại (tỷ VND)	68.98	

TTCK	Điểm số	% Ngày	% Tuần	% Tháng
US (S&P500)	3898.85	-0.76%	-1.78%	2.13%
EU (EURO STOXX	4094.28	-1.92%	-0.79%	5.74%
China (SHCOMP)	3240.28	0.49%	0.49%	5.60%
Japan (NIKKEI)	26405.23	-1.44%	-0.17%	-3.06%
Korea (KOSPI)	2380.34	0.51%	-0.24%	2.21%
Singapore (STI)	3276.18	-0.41%	0.26%	0.68%
Thailand (SET)	1688.48	0.18%	0.06%	4.88%
Phillipines (PCOMP)	7062.01	-0.46%	3.34%	10.10%
Malaysia (KLCI)	1496.22	0.05%	0.51%	1.97%
Indonesia (JCI)	6819.91	0.80%	2.87%	-0.07%
Vietnam (VNIndex)	1108.08	0.89%	4.52%	8.75%

HĐTL	Điểm số	± Basis	GTGD* / phiên	HĐM^ / phiên
VN30F2301	1120.90	-0.09%	26,363	38,357
VN30F2302	1121.00	-0.08%	1,463	14,535
VN30F2303	1118.90	-0.27%	16	554
VN30F2306	1101.90	-1.78%	13	974

TTCK VIỆT NAM

Khối ngoại tăng cường mua ròng đẩy VN-Index vượt qua 1,100 điểm

Khối ngoại đẩy mạnh mua ròng gần 100 triệu USD trong tuần là động lực lớn hỗ trợ VN-Index vượt qua ngưỡng tâm lý 1,100 điểm trong bối cảnh NĐT trong nước có xu hướng nghỉ ngơi trước kỳ Nghỉ Lễ dài. VN-Index tăng mạnh 4.52% với độ rộng tăng áp đảo. Thị trường ghi nhận 18/19 ngành tăng điểm. Thanh khoản chưa có sự cải thiện do NĐT trong nước giao dịch cẩn trọng. Vận động tăng giá tuần rồi cũng phá vỡ xu hướng giằng co ngắn hạn và hướng lên các vùng cao mới 1,150 và 1,200 điểm. NĐT có thể cân nhắc cơ hội giao dịch trading ngắn hạn trong quá trình thanh khoản dần cải thiện sau kỳ Nghỉ Lễ.

Tình hình kinh tế giới 2023 dự báo khó khăn, khó lường hơn 2022 do lạm phát, chính sách thắt chặt tiền tệ, mất giá đồng tiền, nhu cầu sụt giảm, doanh nghiệp bị ảnh hưởng nặng nề… Cuối 2022, thị trường xuất khẩu Việt nam thu hẹp kéo theo tình trạng cắt giảm lao động. Bộ KH&ĐT đang trình Chính phủ dự thảo Nghị quyết một số chính sách, giải pháp trọng tâm hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến 2025 gồm các giải pháp ngắn và dài hạn. Giải pháp ngắn gồm hỗ trợ tín dụng tập trung vào sản xuất, kiểm soát lĩnh vực rủi ro, đáp ứng vốn thương nhân nhập khẩu xăng dầu, than đảm bảo an ninh năng lượng; xử lý khó khăn trái phiếu doanh nghiệp. Giải pháp dài hạn phát triển tập đoàn công nghiệp lớn, vươn ra thị trường khu vực và hỗ trợ các Doanh nghiệp tăng trưởng cao tạo sức bật và hình thành các doanh nghiệp quy mô vừa và lớn trong tương lai.

TTCK THẾ GIỚI

Nỗi lo quay lại, TTCK Hoa Kỳ điều chỉnh sau tuần giao dịch hưng phấn

Diễn biến hưng phấn của tuần đầu năm mới dần lấn át bởi báo cáo bán lẻ Hoa kỳ gây thất vọng, nguy cơ suy thoái, và KQKD các Doanh nghiệp kém khả quan. Liên tiếp 2 phiên giảm điểm cuối tuần khiến các chỉ số CK Hoa Kỳ giảm về mức bình quân 1.7%. Thị trường các nước phát triển Châu Âu duy trì mức tăng 0.7% trong khi các nước Châu Á tăng bình quân trên 1%, dẫn đầu là TTCK Việt Nam tăng 4.52%. Biến động tăng giảm ghi nhận trên thị trường hàng khi chỉ số giảm lại 0.3% sau 1 tuần tăng mạnh. Giá dầu, giá gas giảm điểm đóng góp chính cho mức giảm trong tuần. USD Index hồi phục nhẹ 0.1% sau chuỗi tuần giảm điểm từ mức thấp nhất kể từ 4/2022 trong phiên đầu tuần. Trong tuần tới Hoa Kỳ công bố GDP lần đầu quý IV và năm sẽ là thông tin quan trọng ảnh hưởng lên các thị trường.

BOJ giữ nguyên lãi suất ngắn hạn ở mức âm 0.1% và lãi suất trái phiếu CP kỳ hạn 10 năm ở mức 0% trong kỳ họp tháng 1/2023 trước áp lực lạm phát. CPI cơ bản Nhật Bản tăng 3.7% trong tháng 11 tuy nhiên quan điểm CPI do chi phí đẩy sẽ không bền vững và BOJ dự báo CPI cơ bản chỉ tăng 1.6% trong năm 2023. Điều này cho thấy BOJ chưa thấy mối lo ngại quá lớn từ lạm phát và vẫn cố gắng duy trì chính sách tiền tệ siêu nới lỏng để hỗ trợ cho đà phục hồi kinh tế. Một diễn biến khác chú ý trong tuần này là việc USD bị bán tháo, rơi xuống mức thấp nhất từ tháng 4/2022. NĐT tin rằng lạm phát Hoa Kỳ hạ nhiệt, FED nhẹ tay thắt chặt chính sách tiền tệ và Trung Quốc đảo ngược chính sách Zero-covid. Đây là những thúc đẩy bán tháo USD trong 2 tuần qua trái ngược xu hướng đầu cơ trong năm 2022.

Chú thích: ** tỷ VNĐ*
^ hợp đồng

CHUYÊN MỤC TUẦN: *Đánh giá việc dự báo danh mục chỉ số VN30, VN-Finlead và dự báo số lượng cổ phiếu kỳ ETF cơ cấu*

Ngày 16/01/2023, Hose đã công bố danh mục cổ phiếu và các trọng số thành phần của bộ chỉ số VN30-Index và VN-Finlead Index. Theo đó:

- Đối với chỉ số VN30 Index: thêm mới BCM, loại cổ phiếu KDH
- Đối với chỉ số VN-Finlead: không thêm mới và loại cổ phiếu nào

Căn cứ trên công bố của Hose, BSC tính toán số lượng mua/bán cổ phiếu đối với các ETF đang tham chiếu 2 bộ chỉ số này và ETF Diamond đến kỳ điều chỉnh theo thông số mới, cụ thể như sau:

1. Tổng hợp cổ phiếu mua bán

STT	Mã CK	ETFs VN30	ETF Finlead	ETF Diamond	Tổng	STT	Mã CK	ETFs VN30	ETF Finlead	ETF Diamond	Tổng
1	MWG	248,181	0	18,973,849	19,222,030	25	VIC	(2,349)	0	0	(2,349)
2	GMD	0	0	9,154,537	9,154,537	26	GVR	(50,164)	0	0	(50,164)
3	OCB	0	(351,606)	6,705,140	6,353,534	27	VNM	(67,470)	0	0	(67,470)
4	NVL	2,581,217	0	0	2,581,217	28	VJC	(83,598)	0	0	(83,598)
5	VIB	(641,742)	216,723	1,866,754	1,441,734	29	GAS	(152,458)	0	0	(152,458)
6	POW	1,158,741	0	0	1,158,741	30	STB	285,729	(459,772)	0	(174,043)
7	EIB	0	1,358,268	(276,136)	1,082,131	31	SSB	0	(206,866)	0	(206,866)
8	DHC	0	0	849,514	849,514	32	CTG	(75,778)	(182,422)	32,934	(225,266)
9	TPB	1,001,598	545,068	(755,521)	791,144	33	HDB	229,259	(465,916)	0	(236,657)
10	LPB	0	626,224	0	626,224	34	SSI	280,415	(1,101,428)	0	(821,014)
11	VND	0	525,065	0	525,065	35	NLG	0	0	(1,151,478)	(1,151,478)
12	VCB	134,106	326,716	0	460,822	36	SHB	0	(1,249,961)	0	(1,249,961)
13	HPG	435,713	0	0	435,713	37	ACB	61,218	(268,916)	(1,085,116)	(1,292,814)
14	BCM	368,194	0	0	368,194	38	KDH	(3,942,184)	0	2,225,296	(1,716,888)
15	PDR	233,478	0	0	233,478	39	FPT	277,338	0	(2,437,080)	(2,159,742)
16	MSN	198,645	0	0	198,645	40	REE	0	0	(2,567,079)	(2,567,079)
17	VHM	139,330	0	0	139,330	41	TCB	316,940	1,130,496	(4,098,507)	(2,651,072)
18	HCM	0	132,519	0	132,519	42	PNJ	0	0	(3,693,863)	(3,693,863)
19	PLX	120,297	0	0	120,297	43	MBB	140,416	1,827,138	(6,248,380)	(4,280,826)
20	VRE	93,040	0	0	93,040	44	VPB	3,161,215	(930,301)	(6,605,839)	(4,374,925)
21	SAB	82,557	0	0	82,557	45	MSB	0	(1,593,741)	(9,932,974)	(11,526,715)
22	VCI	0	80,471	0	80,471						
23	BID	(152,111)	194,148	0	42,037						
24	BVH	108,628	(90,301)	0	18,327						

Nguồn: Tổng hợp, BSC Research

2. Chi tiết mua bán các ETF tham chiếu VN30

STT	Mã CK	Giá đóng cửa (17/01/2023)	Tỷ trọng mới (VND)	Tỷ trọng thay đổi (+/-)				SLCP mua bán (+/-)				Tổng	Ghi chú
				E1VFVN30	FUESSVN30	FUEMAVN30	FUEKIV30	E1VFVN30	FUESSVN30	FUEMAVN30	FUEKIV30		
1	VPB	19,600	8.71%	0.69%	0.51%	0.51%	0.28%	2,989,957	18,930	91,634	60,694	3,161,215	
2	FPT	82,000	7.23%	0.26%	0.52%	-0.37%	0.40%	267,964	4,628	(16,161)	20,907	277,338	
3	VNM	80,900	6.39%	-0.06%	0.40%	0.19%	-0.35%	(61,005)	3,650	8,444	(18,560)	(67,470)	
4	ACB	25,300	6.86%	0.00%	0.07%	0.06%	0.19%	16,657	2,174	9,118	33,269	61,218	
5	MSN	97,500	5.90%	0.20%	0.17%	-0.10%	0.49%	178,948	1,311	(3,495)	21,882	198,645	
6	HPG	21,650	6.54%	0.09%	0.27%	0.04%	0.23%	372,408	9,300	7,272	46,732	435,713	
7	TCB	29,000	6.27%	0.10%	0.12%	-0.03%	0.23%	284,380	2,948	(4,108)	33,720	316,940	
8	VHM	52,000	5.35%	0.10%	-0.07%	0.15%	-0.42%	164,895	(984)	10,269	(34,851)	139,330	
9	VIC	55,200	4.97%	-0.02%	0.01%	-0.13%	0.37%	(23,781)	195	(8,069)	29,306	(2,349)	
10	MWG	43,050	4.47%	0.12%	0.04%	-0.13%	0.29%	229,978	611	(11,075)	28,667	248,181	
11	STB	26,550	4.73%	0.07%	0.11%	0.03%	0.31%	227,995	3,063	4,123	50,549	285,729	
12	MBB	19,400	4.57%	0.03%	0.10%	-0.03%	-0.01%	143,242	3,878	(5,035)	(1,668)	140,416	
13	VCB	89,400	4.40%	0.12%	0.45%	-0.40%	0.68%	113,582	3,685	(15,946)	32,785	134,106	
14	VJC	110,600	2.83%	-0.11%	0.40%	0.23%	-0.24%	(84,341)	2,660	7,417	(9,335)	(83,598)	
15	HDB	17,250	2.87%	0.03%	0.06%	0.07%	0.24%	151,888	2,581	14,551	60,239	229,259	
16	VRE	29,850	2.56%	0.02%	0.19%	0.06%	0.07%	69,837	4,780	7,664	10,760	93,040	
17	VIB	22,900	2.28%	-0.15%	-0.08%	-0.22%	-0.26%	(556,381)	(2,533)	(33,984)	(48,844)	(641,742)	
18	CTG	30,600	2.08%	-0.03%	0.04%	-0.02%	-0.04%	(70,147)	1,077	(1,754)	(4,954)	(75,778)	
19	SSI	20,400	2.01%	0.06%	0.11%	0.11%	0.03%	250,993	3,954	19,140	6,327	280,415	
20	TPB	23,000	2.06%	0.23%	0.23%	0.26%	0.46%	866,560	7,440	40,649	86,949	1,001,598	
21	SAB	187,000	1.25%	0.26%	-0.17%	-0.15%	-1.35%	117,394	(680)	(2,911)	(31,247)	82,557	
22	NVL	14,000	1.42%	0.38%	0.39%	0.42%	0.45%	2,315,850	20,408	106,399	138,561	2,581,217	
23	GAS	104,200	0.94%	-0.17%	0.16%	0.14%	-0.51%	(137,430)	1,145	4,859	(21,031)	(152,458)	
24	BID	44,950	0.86%	-0.10%	0.19%	0.16%	0.24%	(190,849)	3,097	12,620	23,022	(152,111)	
25	POW	12,150	0.67%	0.15%	0.13%	0.07%	0.16%	1,071,897	7,995	21,154	57,694	1,158,741	
26	PLX	37,350	0.45%	0.05%	0.17%	0.15%	-0.07%	111,115	3,312	14,131	(8,261)	120,297	
27	PDR	14,100	0.40%	0.03%	0.09%	0.10%	0.01%	198,827	4,830	25,902	3,918	233,478	
28	BVH	48,600	0.34%	0.08%	-0.02%	-0.06%	-0.33%	142,462	(287)	(4,314)	(29,232)	108,628	
29	BCM	83,500	0.33%	0.33%	0.33%	0.33%	0.33%	334,522	2,872	13,903	16,896	368,194	Thêm mới
30	GVR	15,750	0.24%	-0.01%	0.01%	0.04%	0.02%	(64,144)	381	8,614	4,985	(50,164)	
31	KDH	26,800	0.00%	-1.14%	-1.19%	-1.00%	-1.12%	(3,596,564)	(32,592)	(132,575)	(180,454)	(3,942,184)	Bị loại

Nguồn: Tổng hợp, BSC Research

3. Chi tiết mua bán các ETF tham chiếu VN-Finlead

STT	Mã CK	Giá đóng cửa (17/01/2022)	KLCP lưu hành	Tỷ trọng mới (%)	Tỷ trọng hiện tại (%)	Thay đổi tỷ trọng (%)	Giá trị thay đổi (tỷ đồng)	SLCP mua/bán (+/-)	Ghi chú
1	VPB	19,600	6,713,204,001	14.58%	15.10%	-0.52%	(18.23)	(930,301)	
2	TCB	29,000	3,517,238,514	15.00%	14.06%	0.94%	32.78	1,130,496	
3	ACB	25,300	3,377,435,094	7.03%	7.23%	-0.20%	(6.80)	(268,916)	
4	MBB	19,400	4,533,986,133	11.27%	10.25%	1.02%	35.45	1,827,138	
5	SSB	33,850	1,980,898,268	2.11%	2.31%	-0.20%	(7.00)	(206,866)	
6	STB	26,550	1,885,215,716	15.00%	15.35%	-0.35%	(12.21)	(459,772)	
7	VCB	89,400	4,732,516,571	3.62%	2.78%	0.84%	29.21	326,716	
8	HDB	17,250	2,515,261,400	2.02%	2.25%	-0.23%	(8.04)	(465,916)	
9	SHB	11,100	3,066,887,010	4.43%	4.83%	-0.40%	(13.87)	(1,249,961)	
10	VIB	22,900	2,107,672,945	1.28%	1.14%	0.14%	4.96	216,723	
11	EIB	26,750	1,229,432,904	1.54%	0.50%	1.04%	36.33	1,358,268	
12	MSB	13,300	2,000,000,000	1.29%	1.90%	-0.61%	(21.20)	(1,593,741)	
13	TPB	23,000	1,581,755,495	2.36%	2.00%	0.36%	12.54	545,068	
14	SSI	20,400	1,489,138,669	6.59%	7.23%	-0.64%	(22.47)	(1,101,428)	
15	CTG	30,600	4,805,750,609	2.88%	3.04%	-0.16%	(5.58)	(182,422)	
16	VND	15,900	1,217,821,331	4.00%	3.76%	0.24%	8.35	525,065	
17	LPB	14,900	1,729,105,369	2.21%	1.94%	0.27%	9.33	626,224	
18	OCB	17,800	1,369,882,863	0.37%	0.55%	-0.18%	(6.26)	(351,606)	
19	VCI	29,900	435,499,901	1.18%	1.11%	0.07%	2.41	80,471	
20	BID	44,950	5,058,523,816	0.53%	0.28%	0.25%	8.73	194,148	
21	HCM	23,900	457,211,949	0.54%	0.45%	0.09%	3.17	132,519	
22	BVH	48,600	742,322,764	0.17%	0.30%	-0.13%	(4.39)	(90,301)	

Nguồn: Tổng hợp, BSC Research

THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Giao dịch tín phiếu trên OMO:

Tuần	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Giá trị hút (tỷ VNĐ)	Giá trị bơm (tỷ VNĐ)	Giá trị bơm ròng (tỷ VNĐ)
Tuần 48	28/11/2022	2/12/2022	43,563.11	45,660.68	2,097.57
Tuần 49	5/12/2022	9/12/2022	29,408.00	37,604.35	8,196.35
Tuần 50	12/12/2022	16/12/2022	45,660.68	72,132.64	26,471.96
Tuần 51	19/12/2022	23/12/2022	108,604.38	14,570.77	-94,033.61
Tuần 52	26/12/2022	30/12/2022	159,109.38	121,905.52	-37,203.86
Tuần 1	2/1/2023	6/1/2023	113,255.13	126,388.00	13,132.87
Tuần 2	9/1/2022	13/1/2022	137,988.19	137,016.16	-972.03
Tuần 3	16/1/2023	19/1/2023	79,188.47	157,147.67	77,959.20

Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Diễn biến giao dịch thị trường liên ngân hàng

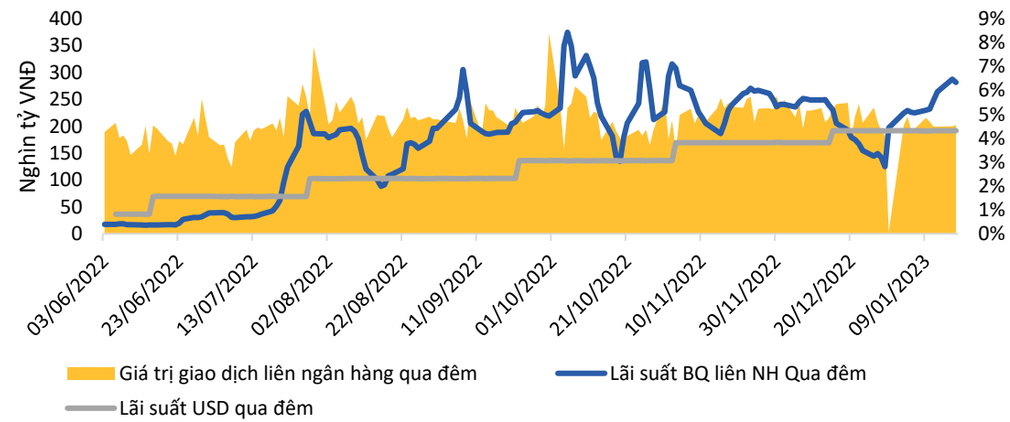

Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Giao dịch thị trường liên ngân hàng:

	Qua đêm	1 tuần	2 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng
Lãi suất liên ngân hàng BQ	6.41%	6.50%	7.28%	7.60%	8.47%	10.25%	9.61%
So với tuần trước	0.92%	0.24%	0.49%	-0.67%	-0.54%	-0.55%	0.00%
KLGD LNH BQ (tỷ VNĐ)	201,234	9,799	9,654	1,900	2,952	250	120
So với tuần trước	-2.30%	22.71%	2212.34%	-53.18%	54.61%	317.57%	0.00%

** Note: Dữ liệu cập nhật tới ngày 17/01/2023*

Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Nhận xét: Trong tuần 03, 55 nghìn tỷ đồng giá trị tín phiếu được phát hành, ngoài ra SBV thực hiện mua 67.65 nghìn tỷ đồng giá trị giấy tờ có giá. Tổng kết lại, SBV đã bơm ròng 78 nghìn tỷ đồng qua OMO. Thanh khoản giao dịch liên ngân hàng bình quân qua đêm giảm, lãi suất giao dịch liên ngân hàng bình quân qua đêm tăng trong tuần 03/2023.

- Lãi suất liên ngân hàng bình quân qua đêm: 6.41%
- Khối lượng giao dịch liên ngân hàng bình quân qua đêm: 201.23 nghìn tỷ VNĐ

PTKT VN-INDEX: *Xu hướng tăng điểm còn duy trì sau kỳ Nghỉ Lễ*

Đồ thị ngày: Diễn biến thị trường chuyển biến mạnh sau hơn 1 tuần tích lũy trên 1,050 điểm với cây nến chạy đà ngày 17/1. Vận động giá này đã phá vỡ thế cân bằng, đẩy chỉ số vượt qua đỉnh ngắn hạn cũng như vượt 1,100 điểm. Thanh khoản chưa có chuyển biến, phần nào cho thấy vận động giá đột biến chủ yếu đến từ hoạt động đẩy mạnh mua vào từ NĐT nước ngoài. Các chỉ báo kỹ thuật cũng tạo vùng cao mới và RSI cũng bước vào vùng quá mua. VN-Index vẫn đang nằm trong mô hình V-D-V ngược.

Một vài đặc điểm chú ý của đồ thị ngày:

- RSI tăng 59 lên 71 điểm và đi vào vùng quá mua.
- MACD mở rộng so với đường tín hiệu và mức 0. Thanh khoản duy trì ở mức trung bình thấp tuần qua.
- VN-Index vượt trên SMA20, SMA50 và SM100.

Nhận định: VN-Index đã có vận động đáng ghi nhận trước kỳ Nghỉ Lễ với sự tham gia tích cực từ khối ngoại. Một vài chỉ báo bước vào vùng quá mua, qua đó cảnh báo hoạt động chốt lãi sẽ mạnh hơn trước khi định hình xu hướng rõ rệt. Thị trường dù vậy có động lực để tăng tiếp sau kỳ Nghỉ lễ. Cây nến chỉ hướng tuần vượt qua đường neckline của mô hình V-D-V ngược. Cho dù thanh khoản không cải thiện, vận động giá này kỳ vọng giúp VN-Index hoàn thành mô hình với mục tiêu giá giá kỳ vọng từ 1,150 – 1,200 điểm.

Đồ thị

Nguồn: BSC Research

TIN VĨ MÔ: *Theo VBMA, trong năm 2023 sẽ có khoảng 289,819 tỷ đồng trái phiếu đáo hạn*

VIỆT NAM:

• Chính phủ: dự toán thu NSNN năm 2023 giao ngành Thuế thực hiện là 1,373,244 tỷ đồng, cao hơn gần 17% svck.
• Sau khi Quốc hội miễn nhiệm Chủ tịch nước Nguyễn Xuân Phúc, bà Võ Thị Ánh Xuân được Bộ Chính trị phân công giữ quyền Chủ tịch nước.
• NHNN: trong tuần từ 9-13/1 đã bơm ròng ra thị trường gần 23,428 tỷ đồng sau 3 tuần hút ròng liên tiếp. Lãi suất qua đêm hiện ở mức cao, trong khi nhu cầu thanh khoản dịp giáp Tết tăng. NHNN có thể mua mạnh USD khi nguồn cung ngoại tệ khả quan.
• NHNN: năm 2023, định hướng tín dụng tăng khoảng 14-15%, có điều chỉnh phù hợp với diễn biến, tình hình thực tế.
• Bộ Tư pháp: Dự thảo xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024 đề xuất thu thuế riêng với chứng khoán phái sinh và áp thuế cao hơn với người có thu nhập từ nền tảng số.
• Bộ GTVT: Thủ tướng giao kế hoạch vốn đầu tư công hơn 94.1 nghìn tỷ đồng (tương đương tốc độ giải ngân bình quân đạt hơn 257 tỷ đồng/ngày).
• WB: tổng lượng kiều hối về Việt Nam trong năm 2022 tăng 4.4% svck.
• ETF: ngày 16/01 HSX đã công bố thành phần bộ chỉ số VN30, VN-Finlead Index theo đó, VN30-Index: thêm BCM, loại KDH. VN-Finlead Index giữ nguyên các cổ phiếu thành phần
• HOREA: đề xuất bỏ quy định "bảo lãnh trong bán, cho thuê mua nhà ở hình thành trong tương lai" vì có một số bất cập, hạn chế gây bất lợi cho thị trường bất động sản.
• VBMA: trong năm 2022, giá trị phát hành trái phiếu ra công chúng là 10,599 tỷ đồng, giảm 65% so với năm trước, chiếm khoảng 4% tổng giá trị phát hành. Giá trị phát hành trái phiếu riêng lẻ là 247,976 tỷ đồng, giảm 65%, chiếm khoảng 96% tổng giá trị phát hành.
• VBMA: trong năm 2023, sẽ có khoảng 289,819 tỷ đồng trái phiếu đáo hạn. Riêng tháng đầu năm, có khoảng 17.500 tỷ đồng trái phiếu đáo hạn.
• EVN: đã lên phương án sẵn sàng đảm bảo cung ứng điện dịp Tết Nguyên đán 2023, đặc biệt trong việc điều độ hệ thống điện.
• Ban quản lý Dự án sân bay Long Thành: sẽ Thi công xuyên Tết, liên danh các nhà thầu vẫn huy động hơn 2,000 máy móc, phương tiện và kỹ sư, công nhân thi công trên công trường sân bay Long Thành.

THẾ GIỚI:

• ECB: các nhà hoạch định chính sách đang cân nhắc tốc độ tăng lãi suất chậm hơn so với trước đây; có thể chọn tăng lãi suất thêm 25bps vào T3 sau khi tăng lãi suất thêm 50bps vào T2.
• IMF: cảnh báo tình trạng phân mảnh nghiêm trọng của nền kinh tế toàn cầu sau nhiều thập niên thúc đẩy hội nhập có thể làm giảm sản lượng kinh tế toàn cầu tới 7%, thậm chí 8-12% ở một số nền kinh tế.
• BOJ: đấu thầu mua TPCP kì hạn 5 – 10 năm trong chương trình kiểm soát đường cong lợi suất, số lượng không giới hạn.
• BOJ: dự báo lạm phát cho năm tài khóa 2023 được giữ nguyên ở mức 1.6%.
• BOJ: duy trì lãi suất ngắn hạn cơ bản ở mức -0.1% và lãi suất trái phiếu kỳ hạn 10 năm quanh mức 0%.
• Mỹ: doanh số bán lẻ tháng 11 giảm -0.6%, đây là mức giảm nhiều hơn dự kiến, con số dự kiến là -0.1%.
• Mỹ: chỉ số PPI đã giảm 0.5% trong tháng 12 năm ngoái, mức giảm lớn nhất trong gần 2 năm.
• Mỹ: doanh thu bán lẻ T12.2022 giảm sâu hơn dự kiến, khoảng 1.1%, so với T11.2022 và xuống còn 677,1 tỷ USD.
• Anh: CPI T12.2022 đạt 10.5% YoY, giảm nhẹ so với mức 10.7% của T11
• Anh: tỷ lệ lạm phát hàng năm đã giảm xuống 6.3% vào T12.2022, mức thấp nhất kể từ T2.2022 và thấp hơn kỳ vọng của thị trường là 6.4%.
• Canada: CPI T12.2022 ghi nhận mức 6.3% YoY, con số trước đó là 6.9%.
• Đức: CPI chính thức T12 +8.8% YoY. Kết quả này khẳng định áp lực lạm phát của Đức đã chậm lại vào cuối năm 2022.
• Trung Quốc: khủng hoảng BĐS kéo dài - giá nhà giảm trở lại. Giá nhà mới T12 -0.25% MoM.
• Trung Quốc: Tăng trưởng GDP đạt 2.9% (YoY) vào Q4.2022. Tăng trưởng GDP cả năm 2022 đạt 3%, thấp hơn so với mức 5.5% mục tiêu.
• Nhật Bản: PPI T12.2022 +0.5% MoM, +10.2% YoY.

THÔNG TIN LƯU Ý TUẦN TIẾP THEO:

• TTCK nghỉ từ Lễ từ 20/1 đến 26/1/2023
• Thông tin kinh tế vĩ mô tháng 1
• 23/1, Biên bản chính sách tiền BOJ; Niềm tin tiêu dùng EU. 24/1, PMI sản xuất và dịch vụ EU, Anh và Hoa Kỳ. 25/1, CPI Australia, New Zealand; Lãi suất và biên bản chính sách tiền NHTW Canada; Dự trữ dầu thô Hoa Kỳ. 26/1, Đơn xin trợ cấp thất nghiệp, Đơn đặt hàng hóa lâu bền, doanh thu nhà mới và GDP năm công bố lần đầu của Hoa Kỳ. 27/1, Doanh thu nhà qua sử dụng và chỉ số niềm tin tiêu dùng Hoa Kỳ.

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Ngành	% Ngày	%Tuần	% Tháng	CP tiêu biểu			
Dịch vụ tài chính	1.84%	8.36%	4.60%	SSI	9.84%		
Bán lẻ	1.44%	7.74%	-2.65%	MWG	8.31%	PNJ	3.37%
Ngân hàng	1.40%	7.18%	11.76%	VCB	9.67%	VPB	4.28%
Hóa chất	1.27%	6.85%	1.41%	DRC	4.67%	DGC	6.96%
Tài nguyên Cơ bản	-1.36%	5.48%	6.09%	HPG	5.49%	HSG	10.23%

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	Tích cực	Tiêu cực
Dầu WTI	USD/bbl.	80.61	1.02%	3.77%	5.90%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/bbl.	86.16	1.39%	2.53%	8.39%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	USd/gal.	259.68	2.90%	6.67%	19.12%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/oz.	1,932.24	1.48%	1.85%	7.76%		PNJ
Bạc	USD/oz.	23.85	1.63%	0.30%	2.69%		PNJ
Đậu tương	USd/bu.	1,514.75	-0.64%	1.46%	2.57%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	USd/bu.	734.50	-1.08%	-0.74%	-3.00%		AFX
Sữa	USD/cwt	18.00	-0.88%	-3.38%	-7.50%	KDC	VNM, GTN, QNS
Cao su	JPY/kg	227.50	-0.70%	0.66%	-1.73%	DPR, PHR, HAG, HNG	SRC, CSM, DRC
Đường	USd/lb.	19.68	-0.71%	0.15%	-1.50%	SBT, LSS, SLS, QNS	VNM, GTN, QNS
Cà phê	USd/lb.	154.60	-0.26%	7.44%	-9.99%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/MT	9,305.50	-0.19%	1.29%	12.20%	MSN, ACM, BGM	CAV, SAM, TGP, VTH
Thép	CNY/MT	4,180.00	0.60%	0.60%	5.40%	HSG, HPG, NKG	PC1, CTD, HBC
Nhôm	USD/MT	2,587.50	-1.91%	1.53%	8.54%		CAV, SAM, TGP, VTH
Quặng sắt	CNY/MT	850.00	1.25%	1.25%	5.85%		HPG
Than đá	USD/MT	284.25	1.74%	2.25%	-13.14%	HLC, NBC, TNT, THT	HT1, BCC, PPC, POW
Thép HRC	CNY/MT	621.80	0.36%	0.36%	7.99%	HSG, HPG, NKG	PC1, CTD, HBC

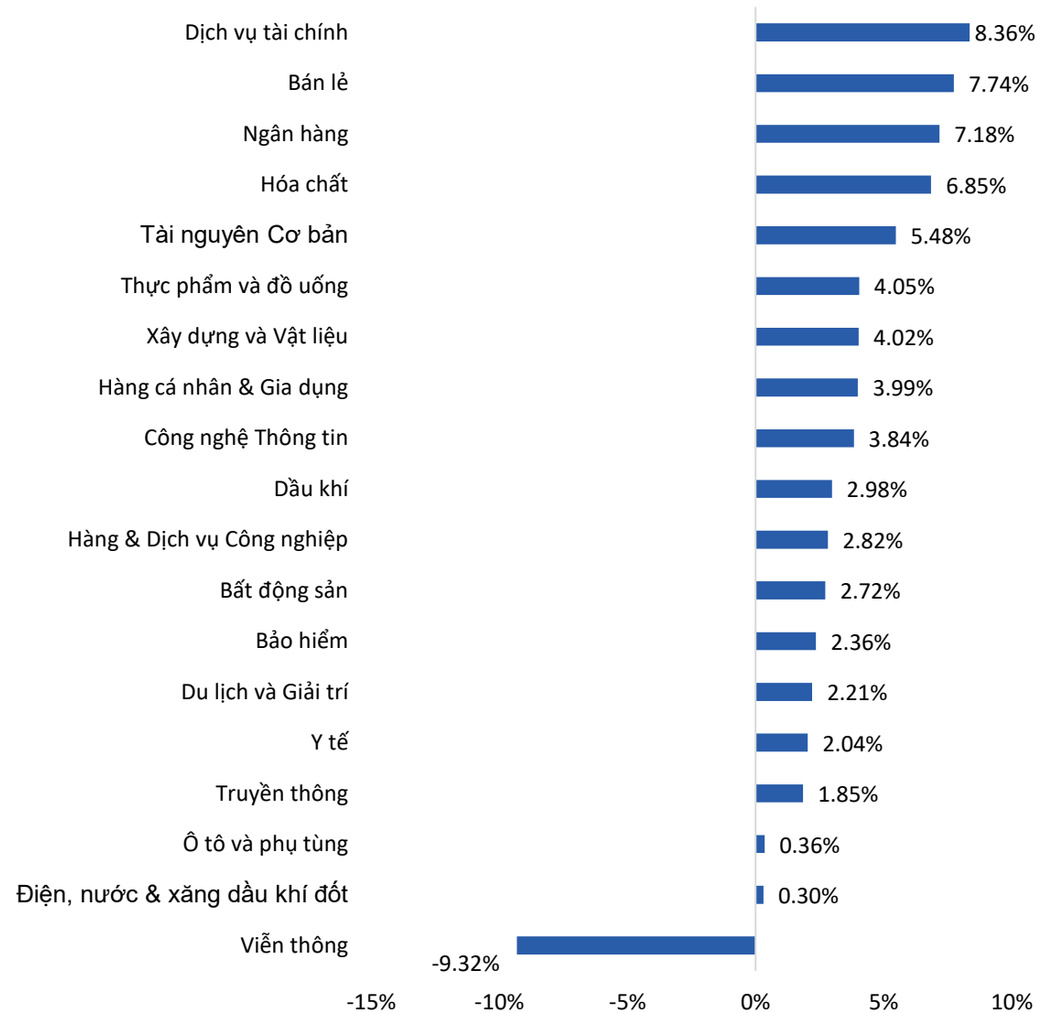

Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Top tăng điểm số VN-Index

Mã	% tăng	Điểm số
VCB	8.39%	8.55
BID	9.93%	5.27
MSN	7.37%	2.50
CTG	6.87%	2.41
VIC	4.36%	2.30
GVR	12.03%	1.76
HPG	6.02%	1.75
ACB	7.66%	1.57
MBB	7.40%	1.54
MWG	8.44%	1.30
Tổng		28.95

Top giảm điểm số VN-Index

Mã	% giảm	Điểm số
REE	-2.65%	-0.17
NVL	-1.75%	-0.12
BWE	-2.78%	-0.06
TNC	-18.04%	-0.05
SVC	-9.24%	-0.05
CVT	-10.16%	-0.04
SAB	-0.11%	-0.03
OGC	-3.88%	-0.02
PDN	-2.86%	-0.02
TEG	-6.88%	-0.01
Tổng		-0.58

Khối ngoại mua ròng

Mã	Mua ròng	SHNN
SSI	295.81	0.04
VND	197.95	23.08
HPG	196.51	22.55
CTG	158.77	28.03
VIC	146.75	12.76
FUESSVFL	133.47	
MSN	126.08	30.60
STB	114.86	27.59
BID	101.10	17.18
VCB	96.42	23.61
Tổng	1,567.71	

Khối ngoại bán ròng

Mã	Mua ròng	SHNN
DCM	-26.08	11.74
KBC	-25.99	19.99
PNJ	-21.13	49.00
KDC	-17.21	25.49
BMP	-15.45	86.26
NT2	-12.96	16.29
VTP	-11.55	
PTB	-10.16	13.88
SAB	-10.11	62.63
VEA	-10.02	5.12
Tổng	-160.67	

Vận động cổ phiếu VN30

VHM	101.0098	102.9942	20.00%
POW	100.0828	102.6987	22.00%
FPT	104.4999	100.499	13.69%
VRE	109.7199	100.9116	33.56%
BID	115.6832	101.5168	39.24%
CTG	113.0351	103.2219	31.78%
MSN	105.1733	103.6968	19.44%
VIC	104.818	101.0333	4.17%
HPG	100.1452	107.8014	25.15%
ACB	107.5634	101.7594	21.78%
VCB	112.6127	101.4944	27.40%
SSI	102.8567	105.913	42.76%
VPB	104.4496	102.4112	25.40%
STB	111.2388	109.7164	78.67%
KDH	95.45312	106.856	27.19%
PLX	99.83829	105.5472	35.43%
VIB	99.59233	101.3835	12.81%
TPB	98.58746	102.5092	12.94%
MBB	98.73261	100.861	19.51%
TCB	93.81432	104.1783	35.98%
GVR	85.46064	103.4675	14.39%
VJC	102.0511	99.88196	6.51%
VNM	112.1915	95.974	3.44%
BVH	103.1073	98.01909	1.54%
SAB	106.6267	93.62278	3.51%
GAS	104.9679	95.60863	-6.19%
PDR	42.51068	64.93137	-64.89%
NVL	35.1402	53.83136	-81.14%
MWG	85.20499	96.99698	-7.88%
HDB	98.45185	99.81303	9.38%

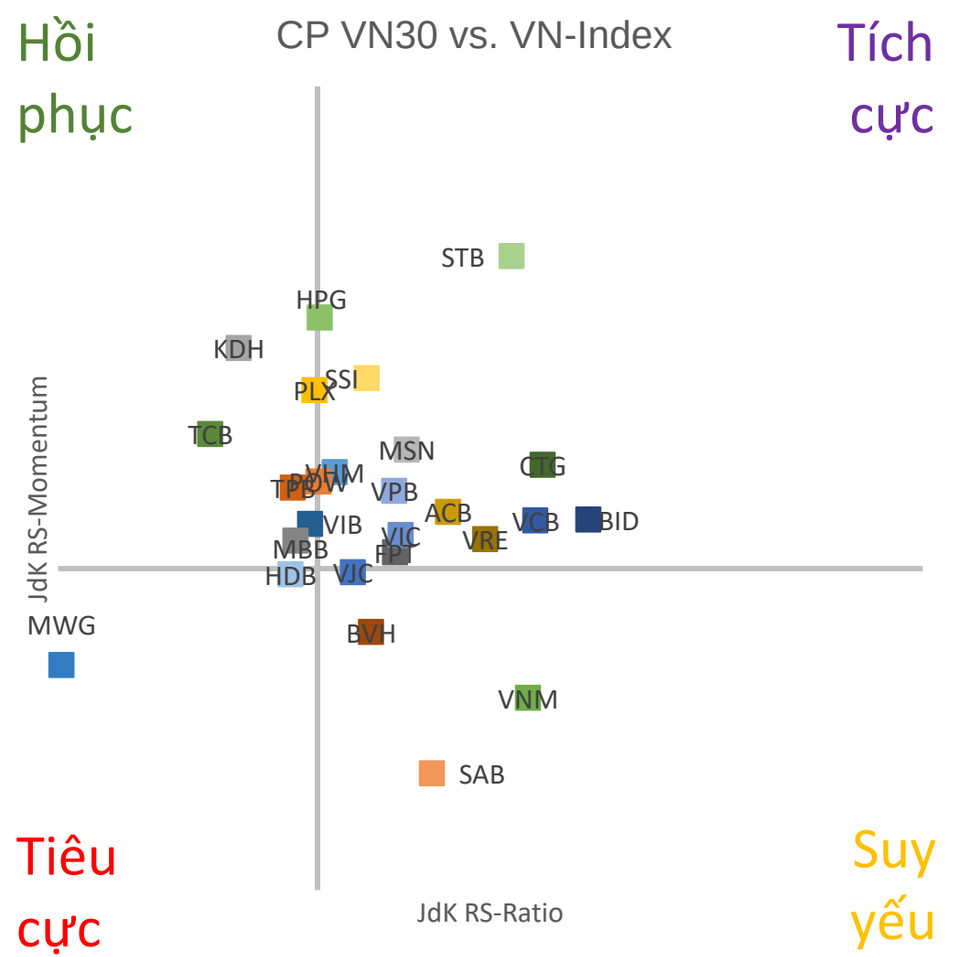

Nguồn: Bloomberg

Chú thích: những cổ phiếu nằm trong góc

- *Tích cực → nên trong danh sách mua*
- *Suy yếu → nên trong danh sách theo dõi cho một điều chỉnh giảm*
- *Tiêu cực → nên trong danh sách tránh*
- *Hồi phục → nên trong danh sách theo dõi cho một vận động tăng*

DANH MỤC ĐẦU TƯ CƠ BẢN

STT	Mã	Ngành	Sàn	Khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá mua	% Lãi/Lỗ	Giá mục tiêu	% Giá hiện tại	Link tải báo cáo
1	ACB	Ngân hàng	HSX	Mua	26	19.1	36.13%	24.4	-6.15%	
2	ACV	Các sản phẩm và dịch vụ công nghiệp	HSX	Mua	85	74.7	13.79%	90	5.88%	Click
3	BCM	Xây dựng và vật liệu xây dựng	HSX	Mua	84.3	75	12.40%	94.2	11.74%	
4	BSR	Dầu khí	UPCOM	Mua	16	13.6	17.65%	18.7	16.87%	Click
5	CTR	Xây dựng và vật liệu xây dựng	HSX	Mua	58.8	37.7	55.97%	51.2	-12.93%	Click
6	DBC	Thực phẩm và đồ uống	HSX	Mua	16.85	10.6	58.96%	14.1	-16.32%	
7	DRC	Ôtô và linh kiện ôtô	HSX	Mua	22.4	16.7	34.13%	26.72	19.29%	
8	FPT	Công nghệ	HSX	Mua	83.9	65.9	27.31%	84.6	0.83%	Click
9	FRT	Bán lẻ	HSX	Mua	69.5	59.8	16.22%	75.3	8.35%	
10	HND	Các dịch vụ hạ tầng	UPCOM	Mua	13.8	12.2	13.11%	15.7	13.77%	
11	IDC	Xây dựng và vật liệu xây dựng	HNX	Mua	40.00	29.00	37.93%	43.40	8.50%	
12	KBC	Bất động sản	HSX	Mua	25.2	16.7	50.90%	18.1	-28.17%	
13	LHG	Bất động sản	HSX	Mua	24	19	26.72%	24	-1.46%	
14	MWG	Bán lẻ	HSX	Mua	45.6	37.9	20.32%	50.3	10.31%	Click
15	PNJ	Hàng tiêu dùng cá nhân và gia đình	HSX	Mua	88.9	70.1	26.82%	65.99	-25.77%	Click
16	POW	Các dịch vụ hạ tầng	HSX	Mua	12.2	10.45	16.75%	13	6.56%	
17	PVD	Dầu khí	HNX	Mua	21	13.6	54.41%	19.7	-6.19%	
18	PVS	Dầu khí	HNX	Mua	25	19.1	30.89%	28	12.00%	
19	PVT	Các sản phẩm và dịch vụ công nghiệp	HSX	Mua	21.4	17.5	22.29%	24.3	13.55%	
20	QTP	Các dịch vụ hạ tầng	UPCOM	Mua	14.9	12	24.17%	16	7.38%	
21	REE	Các sản phẩm và dịch vụ công nghiệp	HSX	Mua	69.9	70.2	-0.43%	86	23.03%	
22	VCB	Ngân hàng	HSX	Mua	93	75	24.00%	90.3	-2.90%	
23	VEA	Các sản phẩm và dịch vụ công nghiệp	HSX	Mua	38	34.9	8.88%	48	26.32%	
24	VHC	Thực phẩm và đồ uống	HSX	Mua	70	74.9	-6.54%	87.2	24.57%	
25	VNM	Thực phẩm và đồ uống	HSX	Mua	81.3	75.65	7.47%	82.91	1.98%	
26	VRE	Bất động sản	HSX	Mua	29.65	25	18.60%	31.8	7.25%	

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh
Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639

http://www.bsc.com.vn

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

Quý khách hàng có thể tham gia cộng đồng nhà đầu tư bằng cách quét mã QR trên đây đồng thời click vào hình bên để điền thông tin vào form đăng ký